

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 523/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 12 - 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hường

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Giã Hồng N - Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Mai Vũ M - Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N1 và ông Giã Văn C. Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)

2. Bà Thái Ngọc T, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo uỷ quyền của bà T là: Bà Giã Thị N2, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)

3. Ông Giã Văn T1. Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Lít K. Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)

5. Bà Trần Thị Kim C1. Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)
6. Bà Lê Châu L. Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)
7. Bà Giã Thị P. Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)
8. Bà Võ Kim C2. Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)
9. Ông Nguyễn Văn Đ. Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)
10. Bà Lê Kiều T2. Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)
11. Bà Lê Hồng Ú. Địa chỉ: ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Xin vắng mặt)
12. Ngân hàng N6.
(Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau) (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.
13. Ông Thái Văn T3. Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)
14. Ông Trương Văn L1 và bà Nguyễn Việt B. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)
15. Ông Bùi Nhật A, Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Giã Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2015, bà và ông Mai Vũ M kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, ông M ghen tuông nên thường xuyên cãi nhau. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản riêng là 02 nền nhà: 01 nền nhà ngang 10m x 60m, 01 nền nhà ngang 05m x 41m, đất này ở xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau, 01 xe PCX, 01 xe VA RIO. Đây là tài sản riêng của bà.

- Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 ngang 5,5m x 23,5m, 02 ti vi, nhà, nền nhà và tài sản trong nhà trị giá 700.000.000 đồng (có giấy vợ chồng tự thoả thuận thống nhất).

- Về nợ chung của vợ chồng:

+ Nợ Thái Ngọc T 450.000.000 đồng (Có biên nhân vợ chồng cùng ký)

+ Nợ ông Giã Văn C và bà Nguyễn Thị N1 số tiền là 130.000.000 đồng và 40 chỉ vàng 24k.

- + Nợ ông Nguyễn Lít K 30 chỉ vàng 24k;
- + Nợ ông Giã Văn T1 180.000.000 đồng;
- + Nợ bà Võ Kim C2 30 chỉ vàng 24k và 400.000.000 đồng;
- + Nợ bà Giã Thị P 20 chỉ vàng 24k.

+ Ngoài ra còn nợ hụi: Bà Lê Hồng Ú 180.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ 400.000.000 đồng; Nguyễn Kim C3 600.000.000 đồng; Lê Kiều T2 280.000.000 đồng; Lê Châu L 70.000.000 đồng; Giã Thị P 250.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng N6 - chi nhánh huyện T số tiền 120.000.000 đồng (vay tín chấp).

Khi ly hôn, bà yêu cầu tài sản riêng của bà không đồng ý chia, đối với tài sản chung và nợ chung chia đôi. Trường hợp ông M đồng ý giao cho bà toàn bộ tài sản chung thì bà đồng ý trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng. Đối với tiền người khác nợ vợ chồng đã khởi kiện tại Tòa án, khi nào nhận được sẽ trả nợ.

Bị đơn ông Mai Vũ M trình bày:

Ông và N sống với nhau vào ngày 25/5/2012 đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh C. Quá trình chung sống không có con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do ông thương vợ nên có tính ghen tuông, có cự cãi với vợ và người khác làm ảnh hưởng uy tín của vợ. Nay vợ ông cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với N.

- Về tài sản chung gồm: 01 nền nhà ngang 10m x 60m, 01 nền nhà ngang 05m x 41m đất này ở xã H, huyện T do vợ ông đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do thời điểm năm 2023 vợ chồng có mâu thuẫn nên N khởi kiện ly hôn, nên ông kêu N rút đơn lại, lúc này N yêu cầu ông phải ký giấy cho N đứng tên 02 cái nền nhà ở xã H thì N mới rút đơn, nên ông đồng ý mới đi làm giấy qua cho N đứng tên 02 cái nền nhà). Nay ông xác định đây là tài sản chung do vợ chồng mượn tiền của Thái Ngọc T để chuyển nhượng 02 nền nhà này xác định giá trị là 1.100.000.000 đồng.

Trong nhà có 02 ti vi trị giá 10 triệu, 01 xe PCX trị giá 50.000.000 đồng, 01 xe VA RIO trị giá 40 triệu; 01 căn nhà cấp 4 ngang 5,5m x 23,5m, nhà và nền trị giá 700.000.000 đồng. Như vậy ông xác định tài sản chung của vợ chồng hiện tại là 1.900.000.000 đồng.

Người khác nợ vợ chồng: Trần Văn T4 ở ấp R, X, huyện T số tiền là 250.000.000 đồng, Bùi Nhật A - ở Khóm I, thị trấn T số tiền là 250.000.000 đồng, ông Đ1 ở Đ, xã K 150.000.000 đồng, ông Võ Việt D và Mai Ngọc D1 ở ấp K, xã K số tiền là 800.000.000 đồng (kiện ra Tòa rồi), T5 và T ở ấp V xã K số tiền là 400.000.000 đồng (kiện ra Tòa rồi), C4 và N3 ở khóm F, thị trấn T là 170.000.000 đồng (kiện ra Tòa rồi); Trương Văn L1 và Nguyễn Việt B ở ấp C xã L số tiền là 170.000.000 đồng (kiện rồi). Tổng số tiền người khác nợ vợ chồng là 2.190.000.000 đồng.

- Vợ chồng nợ người khác: Nợ bà Thái Ngọc T ở ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C6 là 450.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Lít K ở ấp R, xã H là 3 cây vàng 24k; bà Võ Kim C2 ấp K, xã K là 400.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24k; Giã Văn T1

180.000.000 đồng; ông Giã Văn C và bà Nguyễn Thị N1 là 130.000.000 đồng và 40 chỉ vàng 24k. Tổng nợ chung của vợ chồng là 1.160.000.000 đồng và 10 cây vàng 24k.

Đối với các khoản nợ hụi và nợ bà P là nợ của bà N, ông không biết.

Nay ông đồng ý giao toàn bộ tài sản chung và nợ chung cho bà N quản lý, yêu cầu bà N giao lại cho ông 200.000.000 đồng.

Bà Giã Thị N4 - đại diện theo uỷ quyền của bà T trình bày: T có cho vợ chồng M và N mượn số tiền vào ngày 18/10/2023 mượn 150.000.000 đồng; ngày 16/10/2023 là 300.000.000 đồng. Nay T có yêu cầu độc lập buộc M và N phải trả số tiền là 450.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Vào ngày 15/8/2017 có cho M và N mượn 130.000.000 đồng, ngày 30/7/2019 cho N và Minh mượn 40 chỉ vàng 24k. Nay yêu cầu M và N trả số tiền và vàng trên.

Ông Giã Văn T1 trình bày: Ông có cho M và N mượn 180.000.000 đồng vào ngày 25/5/2023, nay ông không yêu cầu nếu sau này M và N không trả tôi sẽ kiện riêng, không yêu cầu trong vụ kiện này.

Ông Nguyễn Lít K trình bày: Ngày 30/8/2023 tôi cho vợ chồng N và Minh mượn 03 lượng vàng 24k, hiện tại tôi không yêu cầu trong vụ án này, sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

Bà Võ Thị C5 trình bày: Ngày 16/10/2023 tôi cho vợ chồng Nhiên M1 mượn 270.000.000 đồng; ngày 10/11/2023 mượn tiếp 100.000.000 đồng; ngày 16/02/2024 mượn 30.000.000 đồng; Ngày 22/11/2016 mượn 01 lượng vàng 24k; ngày 20/3/2022 cho mượn 02 lượng vàng 24k. Hiện tại ông không yêu cầu trong vụ án này, sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

Bà Lê Hồng Ú trình bày: Vợ chồng M1, N có tham gia hụi do tôi làm chủ, vợ chồng Minh N5 có cùng bỏ hụi nhưng khi chung hụi thì chỉ gặp N5, hiện tại Minh N5 còn nợ 180.000.000 đồng. Tôi không yêu cầu trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp kiện bằng vụ án khác.

Ngân hàng N6 – Chi nhánh huyện T không có yêu cầu độc lập cũng như không có phản hồi ý kiến gì liên quan đến khoản vay các đương sự trình bày, đồng thời ngày 07/11/2024 có Công văn số 480/NHNo.TVT về việc xin vắng mặt tại tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

Đối với các đương sự: Bà Trần Thị Kim C1; Bà Lê Châu L; Ông Nguyễn Văn Đ; Bà Lê Kiều T2; Ông Thái Văn T3; Ông Trương Văn L1 và bà Nguyễn Việt B; Ông Bùi Nhật A, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng các đương sự vắng mặt và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/11/2024, giữa nguyên đơn bà G Hồng Nhiên với bị đơn ông Mai Vũ M cùng các đương sự đã thoả thuận được:

Đối với tài sản chung: Bà Giã Hồng N và ông Mai Vũ M thống nhất thoả thuận giao cho bà G Hồng Nhiên sở hữu, quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, bao gồm cả phần tài sản mà người khác nợ lại vợ chồng. Do đó ông M không yêu cầu Toà án giải quyết về phần tài sản chung nữa, ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này.

Đối với phần nợ chung thì ông M và bà N thống nhất giao toàn bộ cho bà N là người có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung của vợ chồng, sau này ông M không có trách nhiệm gì đối với các khoản nợ chung đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1 và bà Giã Thị N4, ông Nguyễn Lít K, ông Giã Văn T1, bà Võ Kim C2, bà Lê Hồng Ú: Thống nhất yêu cầu xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập, đồng ý cho bà N chịu trách nhiệm trả nợ và không yêu cầu xem xét trong vụ án này. Sau này nếu bà N không trả thì các đương sự sẽ khởi kiện bà N bằng vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; các đương sự là: Bà Trần Thị Kim C1; Bà Lê Châu L; Ông Nguyễn Văn Đ; Bà Lê Kiều T2; Ông Thái Văn T3; Ông Trương Văn L1 và bà Nguyễn Việt B; Ông Bùi Nhật A không có mặt theo triệu tập của Toà án, chưa chấp hành nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giã Hồng N, cho bà N ly hôn với ông Mai Vũ M. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn ông M, đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Thái Ngọc T và Nguyễn Thị N1, ông Giã Văn C. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết. Đồng thời, xử lý án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Giã Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Mai Vũ Minh H đang cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Giã Hồng N, bị đơn ông Mai Vũ M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị N1, ông Giã Văn C, bà Giã Thị N2, ông Giã Văn T1, ông Nguyễn Lít K, bà Võ Kim C2, bà Lê Hồng Ú, Ngân hàng N6 đều yêu cầu xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Giã Hồng N và ông Mai Vũ Minh X lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của bà N và ông M là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Hiện cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà N và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Giã Hồng N, cho bà N ly hôn với ông M là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông M không có con chung.

[4] Về tài sản: Bà N và ông M đã thoả thuận được với nhau về phân tài sản, thống nhất giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho bà G Hồng Nhiên sở hữu, quản lý và sử dụng (bao gồm cả các khoản nợ người khác nợ lại vợ chồng). Ông M xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản. Xét thấy, việc các đương sự thoả thuận được với nhau và ông M rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của ông M và không xem xét giải quyết đối với phần tài sản.

[5] Về nợ chung: Ông Giã Văn C, bà Nguyễn Thị N1 và bà Thái Ngọc T xin rút lại yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của các đương sự. Đối với những trường hợp đương sự không phản hồi và không có yêu cầu xem xét về phần nợ chung trong vụ án này thì Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Giã Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Ông Giã Văn C và bà Nguyễn Thị N1 được miễn dự nộp án phí theo quy định. Ông Mai Vũ M, bà Thái Ngọc T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, Điều 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn ông Mai Vũ M và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giã Văn C, bà Nguyễn Thị N1 và bà Thái Ngọc T.

2. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giã Hồng N, cho bà Giã Hồng N ly hôn với ông Mai Vũ M.

3. Về con chung: Không có con chung.

4. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Giã Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà N đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004362 ngày 09/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Ông Mai Vũ M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0004500 ngày 11/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Bà Thái Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu số 0004981 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Yến Phương